

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Tân Biên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2019; UBND huyện Tân Biên ban hành Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn huyện Tân Biên, gồm:

1. Dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo chỉ tiêu:	140.000 triệu đồng
- Thu cân đối:	140.000 triệu đồng
2. Dự toán chi ngân sách địa phương:	348.452 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	42.940 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	297.882 triệu đồng
- Quỹ dự phòng	6.700 triệu đồng
- Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương:	930 triệu đồng

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2019 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

1. Thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính vào chỉ tiêu thực hiện 3 tháng năm 2019 là 35.807/140.000 triệu đồng, đạt 25,58% so với dự toán, tăng 19,74% so với cùng kỳ. Trong đó:

- **Có 3/9 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2019 (25%):** Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước đạt 67,07% (1.878/2.800 triệu đồng); Thu phí, lệ phí, phí môn bài đạt 33,37% (1.251/3.750 triệu đồng); Thu thuế công thương nghiệp đạt 26,75% (18.673/69.800 triệu đồng) (Trong đó: Thuế giá trị gia tăng đạt 16.340/62.375 triệu đồng, đạt 26,84% so với dự toán. Gồm: thuế GTGT hộ cá thể đạt 22,19% dự toán (1.082/4.875 triệu đồng); thuế GTGT khấu trừ đạt 27,23% dự toán (15.658/57.500 triệu đồng)).

Có 6/9 khoản thu không đạt tiến độ dự toán năm 2019 (dưới 25%): Thu khác tại xã đạt 24,74% (371/1.500 triệu đồng); Thu lệ phí trước bạ đạt 22,70% (2.497/11.000 triệu đồng); Thuế thu nhập cá nhân đạt 22,09% (3.976/18.000 triệu đồng); Thu tiền sử dụng đất đạt 21,51% (5.161/24.000 triệu đồng); Thu khác

ngân sách đạt 21,36% (1.922/9.000 triệu đồng); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 7,10% (11/150 triệu đồng).

2. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp (Không bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp trên):

- Thu cân đối ngân sách cấp huyện: 43.100/153.312 triệu đồng, đạt 28,11% dự toán.

- Thu cân đối ngân sách cấp xã:

+ Có 5/10 xã thu cân đối đạt tiến độ dự toán năm 2019: xã Tân Bình thu đạt 31,01% (126/407 triệu đồng); xã Thạnh Bình thu đạt 28,78% (458/1.593 triệu đồng); xã Thạnh Tây thu đạt 27,44% (475/1.731 triệu đồng); xã Tân Phong thu đạt 26,33% (407/1.547 triệu đồng); xã Mỏ Công thu đạt 25,60% (416/1.625 triệu đồng).

- Có 5/10 xã thu cân đối không đạt tiến độ dự toán năm 2019: Thị trấn thu đạt 23,78% (1.014/4.265 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 21,68% (304/1.404 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 21,18% (335/1.584 triệu đồng); xã Hòa Hiệp thu đạt 18,00% (217/1.206 triệu đồng); xã Thạnh Bắc thu đạt 16,02% (87/543 triệu đồng).

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 3 tháng năm 2019 là 91.337 triệu đồng, đạt 23,50% dự toán, tăng 7,68% so với cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách

1.1 Chi ngân sách cấp huyện:

Thực hiện chi ngân sách cấp huyện 3 tháng năm 2019 là: 67.317 triệu đồng, đạt 24,12% dự toán, tăng 5,50% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 18.964 triệu đồng, đạt 45,22% dự toán, tăng 22,63% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên là: 48.353 triệu đồng, đạt 20,86% dự toán, tăng 0,03% so với cùng kỳ.

1.2. Chi ngân sách cấp xã - thị trấn:

Thực hiện chi ngân sách cấp xã 3 tháng năm 2019 là: 15.215 triệu đồng, đạt 21,94% dự toán, tăng 5,71% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 400 triệu đồng, đạt 40,00% dự toán.

- Chi thường xuyên là: 14.815 triệu đồng, đạt 22,40% dự toán, tăng 2,93% so với cùng kỳ.

2. Chi bổ sung ngân sách xã:

Thực hiện chi bổ sung ngân sách xã 3 tháng năm 2019 là 8.805 triệu đồng, đạt 21,86% so với dự toán, tăng 32,86% so với cùng kỳ.

III. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương:

1. Tổng thu cân đối ngân sách

137.263 triệu đồng

- Thu ngân sách hưởng 100% và thu điều tiết	50.353 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	62.139 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm 2017 sang	24.771 triệu đồng
1. Tổng chi ngân sách	82.533 triệu đồng
- Chi từ cân đối ngân sách cấp huyện	65.684 triệu đồng
- Chi từ nguồn BSCMT từ ngân sách tỉnh	16.849 triệu đồng

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ THU, CHI NGÂN SÁCH:

1. Về thu ngân sách:

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban với các xã, thị trấn, công tác thu ngân sách nhà nước đạt tiến độ khá. Kết quả thực hiện thu NSNN 3 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tính vào chỉ tiêu là 35.807 triệu đồng, đạt 25,58% dự toán và tăng 19,74% so với cùng kỳ, hoàn thành kế hoạch quý I đã đề ra.

2. Về chi NSNN:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng chế tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán theo đúng tiến độ. Riêng chi đầu tư phát triển tăng cao so với dự toán là do ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện để thanh toán khối lượng hoàn thành và đầu tư xây mới một số công trình trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2019 của UBND huyện Tân Biên.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính
- TT.HƯ;
- TT.HĐND huyện;
- Lưu VP.HĐND-UBND huyện.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Nghĩa

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm 2018
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	140.000	35.807	25,58	119,74
I	Thu nội địa	140.000	35.807	25,58	119,74
II	Thu viện trợ				
B	Thu ngân sách địa phương	348.452	137.263	39,39	110,59
I	Thu cân đối ngân sách	181.800	50.353	27,70	95,79
1	Các khoản thu huyện hưởng 100%	54.085	16.928	31,30	43,11
2	Các khoản thu phân chia ngân sách huyện theo tỷ lệ %	127.715	33.425	26,17	251,24
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	164.530	62.139	37,77	86,85
1	Bổ sung cân đối	146.410	36.252	24,76	98,97
2	Bổ sung có mục tiêu	18.120	25.887	142,87	74,14
III	Thu kết dư	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2.122	24.771	1.167,34	
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	348.452	82.533	23,69	105,47
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	330.332	65.684	19,88	100,44
1	Chi đầu tư phát triển	42.940	8.660	20,17	180,72
2	Chi thường xuyên	280.692	57.024	20,32	94,09
3	Dự phòng ngân sách	6.700		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	18.120	16.849	92,99	131,05



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm 2018
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	140.000	35.807	25,58	119,74
I	Thu nội địa	140.000	35.807	25,58	119,74
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	69.800	18.673	26,75	123,88
4	Thuế thu nhập cá nhân	18.000	3.976	22,09	108,04
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	11.000	2.497	22,70	87,40
7	Thu phí, lệ phí	3.750	1.252	33,39	117,12
8	Các khoản thu về nhà, đất	26.950	7.116	26,40	142,46
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		66		45,21
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150	11	7,33	10,48
-	Thu tiền sử dụng đất	24.000	5.161	21,50	111,16
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.800	1.878	67,07	1.859,41
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	9.000	1.922	21,36	102,40
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.500	371	24,73	105,70
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	181.800	50.353	27,70	95,79
1	Từ các khoản thu phân chia	127.715	33.425	26,17	251,24
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	54.085	16.928	31,30	43,11



UBND HUYỆN TÂN BIÊN

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm 2018
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	348.452	82.533	23,69	105,47
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	330.332	65.684	19,88	100,44
I	Chi đầu tư phát triển	42.940	8.660	20,17	180,72
1	Chi đầu tư cho các dự án	38.140	8.660	22,71	180,72
2	Chi đầu tư phát triển khác	4.800		-	
II	Chi thường xuyên	280.692	57.024	20,32	94,09
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	138.679	32.630	23,53	110,12
2	Chi khoa học và công nghệ	130	-	-	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.630	-	-	
4	Chi văn hóa thông tin	2.037	490	24,05	101,87
5	Chi phát thanh, truyền hình	705	145	20,57	112,40
6	Chi thể dục thể thao	592	128	21,62	115,32
7	Chi bảo vệ môi trường	3.350	65	1,94	57,02
8	Chi hoạt động kinh tế	28.532	991	3,47	15,55
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính,	72.271	14.510	20,08	103,60
10	Chi bảo đảm xã hội	8.769	1.676	19,11	43,90
III	Dự phòng ngân sách	6.700	-	-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	18.120	16.849	92,99	131,05
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-			-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	-	10.705		149,66
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	18.120	6.144	33,91	281,32